TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ L	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH AN GIANG	

Bản án số: 40/2018/HNST-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2018
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Mỹ Hường

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – T ký Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Như N, sinh năm 1980.

+ Địa chỉ: Khóm 4, phường L, Thành phố L, tỉnh An Giang.

+ Địa chỉ hiện nay: Khóm T, phường X, Thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1980.

+ Địa chỉ: Khóm 4, phường L, Thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Như N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phú C tìm hiểu, yêu Tơng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ L vào năm 2009, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông C có tình cảm với người phụ nữ khác không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ và được cha mẹ hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng ông C vẫn không thay đổi, khắc phục nên bà và ông C sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Do mâu

thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho ông C không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông C.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Song T, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh To, sinh ngày 17/11/2013. Hiện do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình hòa giải bị đơn ông Nguyễn Phú C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà N về hôn nhân và thời gian vợ chồng sống hạnh phúc. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn như bà N trình bày thì ông không đồng ý vì cuộc sống hôn nhân của ông bà rất hạnh phúc, sau này do công việc làm ăn của ông bị trì trệ, thiết bị máy móc hư hỏng, gia đình thiếu hụt về kinh tế dẫn đến vợ chồng xa cách không còn quan tâm nhau như trước, nhưng tình cảm ông dành cho vợ vẫn còn, nên qua yêu cầu ly hôn của bà N thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu được đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tìm việc làm có thu nhập ổn định để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy hai con.

Về con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà N, ông bà có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Song T, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh To, sinh ngày 17/11/2013.

Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, thì về con chung ông thống nhất để bà N được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, ông không tranh chấp. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tùy theo điều kiện thu nhập thực tế.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 177 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015. Hội đồng xét xử, T ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Như N được ly hôn ông Nguyễn Phú C.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Như N được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Ngọc Song T, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh To, sinh ngày 17/11/2013.

Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do, bà N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Phú C.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Như N và ông Nguyễn Phú C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ L vào năm 2009, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà N trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không quan tâm đến gia đình, vợ con. Thời gian qua vì muốn duy trì, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà nhiều lần khuyên nhủ và tạo cơ hội nhưng ông C vẫn không thay đổi. Do ông C không có thiện chí hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà vẫn yêu cầu ly hôn.

Ông C cho rằng cuộc sống hôn nhân của ông bà vẫn hạnh phúc, nhưng do công việc làm ăn không thuận lợi, gia đình thiếu hụt về kinh tế dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm nhau như trước, nhưng tình cảm ông dành cho vợ vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Ông yêu cầu được đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tìm việc làm có thu nhập ổn định để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy hai con.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường X, Thành phố L ngày 13/4/2018 thể hiện, sau khi kết hôn bà N và ông C về sống tại khóm T, phường X, Thành phố L. Quá trình ông C và bà N chung sống, địa phương nhận thấy, vào khoảng trước Tết Nguyên đán năm 2018, bà N có trực tiếp đến Ban Khóm trình báo việc ông C phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác và nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Ban Khóm cũng đã động viên hàn gắn bà N vì con mà tạo điều kiện cho ông C có cơ hội sửa chữa. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông C Tòng xuyên phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng hôn nhân của bà N và ông C vẫn không hạnh phúc, nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay.

[4] Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông C có văn bản trình bày ý kiến và tham gia hòa giải, có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì cho rằng vẫn còn Tơng vợ con. Tòa án động viên bà N tạo cơ hội cho ông C để vợ chồng đoàn tụ nhưng

bà N vẫn kiên quyết ly hôn. Ông C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp chứng tỏ mong muốn được hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông C tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải. Hội đồng xét xử động viên bà N vì con tạo thêm cơ hội hàn gắn, nhưng bà N không chấp nhận. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Như N được ly hôn ông Nguyễn Phú C, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Song T, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh To, sinh ngày 17/11/2013.

Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà N giải quyết cho ly hôn, ông thống nhất nguyện vọng của cháu T được sống với mẹ, ông cũng đồng ý để cháu To được sống với bà N sau khi ly hôn, ông không tranh chấp.

Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường Đông Xuyên thể hiện, bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Ông C vì công việc làm ăn, nên ít có thời gian quan tâm, chăm sóc con chung.

Xét thấy, thời gian ông bà sống ly thân con chung do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất, tinh thần, ông C cũng không tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con bà N, ông C sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà N là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn không yêu cầu ông C cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Như N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Như N được ly hôn ông Nguyễn Phú C.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Song T, sinh ngày 21/3/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh To, sinh ngày 17/11/2013.

Bà N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N không yêu cầu.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông C được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Như N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007343, ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND P. Mỹ Bình, TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa